Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 06.10.2021 14:02:38 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4046 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 củaThủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 18826/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 877/TTr-LĐTBXH ngày 04 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

1. Công ty cổ phần VI NA G7 (địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tam Phước 1, khu phố Long Khánh 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa) gồm 187 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 187.000.000 đồng, trong đó có 04 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng và 54 người lao

động đang nuôi con dưới 06 tuổi (59 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 59.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

2. Công ty cổ phần dịch vụ công nghiệp Đồng Nai (địa chỉ: Số B33, khu phố 13, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa) gồm 04 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn).

3. Công ty TNHH Việt Nam NISSHIN TECHNOMIC (địa chỉ: Lô 517, đường 13, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa) gồm 43 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 43.000.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng và 19 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (19 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 19.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH DAITOH INDUSTRY Việt Nam (địa chỉ: Lô 242, đường số 12, KCN AMATA, thành phố Biên Hòa) gồm 02 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VI NA G7

(Kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: LÊ VĂN LỘC
2. Mã số thuế/đăng ký kinh doanh: 3600846488
3. Địa chỉ: CCN Tam Phước 1, KP Long Khánh 3, Phường Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai
4. Tài khoản của người sử dụng lao đ 5903201003637 LÊ VĂN LỘC AGRIBANK TAM PHƯỚC
5. Mã cơ quan BHXH: 07500
6. Mã đơn vị: TA1081A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	7)	(8)	(9)	(10)
1	Trần Hoàng Mỹ Lợi	Xưởng 2	3 năm	7514065064	12/07/2021	31/08/2021	1.000.000	365668064	
2	Phạm Văn Minh	Phụ trợ	3 năm	7514077158	12/07/2021	31/08/2021	1.000.000	272202013	
3	Nguyễn Thị Lào	Xưởng 1 A	KXĐTH	7511160884	09/07/2021	31/08/2021	1.000.000	381543427	
4	Trần Trường Giang	Xưởng 1 A	3 năm	9621881166	12/07/2021	31/08/2021	1.000.000	381603146	
5	Hồ Văn Chiếu	Xưởng 1 A	KXĐTH	7511163908	12/07/2021	31/08/2021	1.000.000	370823280	
6	Huỳnh Quốc Bình	Xưởng 1 B	3 năm	7424489606	07/07/2021	31/08/2021	1.000.000	281103838	
7	Phan Thị Hiền	Xưởng 2	KXĐTH	7510106469	07/07/2021	31/08/2021	1.000.000	172785084	
8	Lê Nguyễn Hoàng Viễn	NS - HC	3 năm	8722337808	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	341750034	
9	Kim Hoàng Anh	NS - HC	3 năm	9421973472	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365135884	
10	Nguyễn Chí Thạch	Cơ điện	KXĐTH	7513157070	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271552340	
11	Lê Đức Toàn	Phòng kỹ thuật	3 năm	7516192416	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	215314131	
12	Nguyễn Văn Tiến	Phòng kỹ thuật	3 năm	9621856251	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381814330	
13	Phạm Văn Có	Phòng kỹ thuật	3 năm	7415034898	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	212613866	
14	Nguyễn Thị Thu Thủy	Xưởng 1 B	3 năm	7513159722	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271886594	
15	Phạm Thị Hải	Xưởng 4	KXĐTH	5212007750	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272387886	
16	Nguyễn Thị Liên	Xưởng 1 A	KXĐTH	7508227097	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271035048	
17	Lê Thị Hoà	Xưởng 1 A	KXĐTH	7512177976	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371254985	

18	Thạch Còn	Xưởng 1 A	KXĐTH	7513157072	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	334472003	
19	Phan Thị Hồng Nga	Xưởng 1 A	KXĐTH	7513155501	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	361783543	
20	Nguyễn Thùy Dương	Xưởng 1 A	3 năm	7913181723	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371274237	
21	Tô Chí Tâm	Xưởng 1 A	KXĐTH	7510004684	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381464209	
22	Lê Văn Sắc	Xưởng 1 A	KXĐTH	7513163467	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381298137	
23	Nguyễn Thị Hiếu	Xưởng 1 A	3 năm	6421463944	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	231208402	
24	Thạch Thị Lan	Xưởng 1 A	KXĐTH	7512179198	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	334314461	
25	Lâm Thị Út	Xưởng 1 A	KXĐTH	7515105117	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	366050123	
26	Đinh Thị Chúi	Xưởng 1 A	3 năm	6422084350	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	230932729	
27	Dương Văn Tèo	Xưởng 1 A	3 năm	9622154743	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	380991609	
28	Nguyễn Minh Đua	Xưởng 1 A	KXĐTH	7512172692	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	380964177	
29	Nguyễn Thúy Kiều	Xưởng 1 A	KXĐTH	7513163466	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381070219	
30	Nguyễn Văn Toàn	Xưởng 1 A	3 năm	6422239227	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	2313344266	
31	Trần Thị Út Em	Xưởng 1 A	KXĐTH	8621860329	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	331814981	
32	Phạm Thị Nhinh	Xưởng 1 A	KXĐTH	7508061844	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	172894328	
33	Nguyễn Thanh Tuấn	Xưởng 1 B	KXĐTH	7511164724	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	311659425	
34	Phan Thị Loan	Xưởng 1 B	KXĐTH	7510182241	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381603022	
35	Trương Văn Hải	Xưởng 1 B	3 năm	7513154194	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351091811	
36	Ngô Thị Kim Cương	Xưởng 1 B	KXĐTH	7514009243	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	312224575	
37	Nguyễn Thị Thảo	Xưởng 1 B	KXĐTH	7513163469	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381801947	
38	Đỗ Yến Duy	Xưởng 1 B	3 năm	9621745885	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381684528	
39	Lê Thị Cương	Xưởng 1 B	3 năm	8321953932	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381289680	
40	Huỳnh Như Trung	Xưởng 1 B	KXĐTH	7511164697	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	362106606	
41	Nguyễn Minh Tuấn	Xưởng 1 B	3 năm	7526945487	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272969547	
42	Thạch Thị Hạnh	Xưởng 1 B	KXĐTH	7513031626	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365824284	
43	Tống Văn Trường	Xưởng 1 B	KXĐTH	7509012612	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381266780	
44	Thạch Thị Ca	Xưởng 1 B	KXĐTH	7513154191	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	334846558	
45	Trần Thị Lũng	Xưởng 1 B	KXĐTH	7514163675	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381573943	
46	Nguyễn Thị Hữu Nghĩa	Xưởng 1 B	KXĐTH	7514153768	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	341265116	
47	Huỳnh Thị Tỵ	Xưởng 2	KXĐTH	7511155334	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271035423	
48	Lê Kim Như	Xưởng 2	3 năm	8925409001	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351946759	
49	Trần Văn Hiếu	Xưởng 2	3 năm	9623027564	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	382022336	
50	Quách Minh Đương	Xưởng 2	3 năm	9622837902	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381763837	
51	Lê Thị Mỹ Nương	Xưởng 2	KXĐTH	7510004694	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365658609	
52	Nguyễn Văn Duy	Xưởng 2	3 năm	7516120077	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271526722	
53	Dương Thị Phượng	Xưởng 2	3 năm	8925695420	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351683498	
54	Lý Thị Tuyết Lâm	Xưởng 2	KXĐTH	7512172661	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381376296	
55	Bùi Thanh Gấu	Xưởng 2	3 năm	9122821499	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371216465	

56	Lê Thị Bật	Xưởng 2	3 năm	7516118493	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	341526748	
57	Phạm Khả Lự	Xưởng 2	KXĐTH	7511163023	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	183255131	
58	Trương Thị Mỹ Tiên	Xưởng 2	3 năm	7526293056	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	352574987	
59	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Xưởng 2	KXĐTH	7513150317	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	311555561	
60	Nguyễn Xí Nghiệp	Xưởng 2	3 năm	9622303232	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381919858	
61	Nguyễn Thị Thi	Xưởng 2	3 năm	7916459887	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381727387	
62	H' Thoa Niê	Xưởng 2	3 năm	6622737677	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	241629830	
63	Huỳnh Thị Lệ	Xưởng 2	3 năm	7222708104	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	290737303	
64	Đỗ Ngọc Thắm	Xưởng 2	3 năm	7513160249	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	370863334	
65	Phan Minh Chánh	Xưởng 2	3 năm	8621872610	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	331947094	
66	Ngô Thanh Thảo	Xưởng 2	KXĐTH	7514163671	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381738985	
67	Trần Thanh Bình	Xưởng 2	3 năm	7510004675	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	183081160	
68	Nguyễn Thị Loan	Xưởng 2	KXĐTH	8923099392	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351941425	
69	Nguyễn Thị Duyên	Xưởng 2	3 năm	8721985600	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	341097692	
70	Nguyễn Thành Ngoan	Xưởng 2	3 năm	7909267137	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381372365	
71	Thị Nĩ	Xưởng 2	KXĐTH	7514153763	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371489092	
72	Thị Pha	Xưởng 2	3 năm	9124155558	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371267642	
73	Đặng Thị Phướng	Xưởng 2	3 năm	9621913843	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381523626	
74	Nguyễn Thị Luyện	Xưởng 2	KXĐTH	7513150316	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	183734056	
75	Phan Duy Khải	Xưởng 2	3 năm	9623087669	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	382004615	
76	Nguyễn Văn Sol	Xưởng 2	3 năm	7527007158	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	382019176	
77	Nguyễn Tiến Thuận	Xưởng 2	3 năm	7515041528	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385526476	
78	Thạch Thị Hoàng	Xưởng 2	3 năm	9422109907	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365998572	
79	Lý Kha	Xưởng 2	3 năm	9422105937	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365735305	
80	Nguyễn Mỹ Em	Xưởng 2	3 năm	7513181388	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272952884	
81	Trần Thị Ly	Xưởng 2	3 năm	9522008365	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385900045	
82	Nguyễn Thị Bế	Xưởng 2	3 năm	9123443596	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	370935474	
83	Nguyễn Thị Thu Nga	Xưởng 2	3 năm	9222368510	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	092196001803	
84	Ngô Văn Phụng	Xưởng 2	3 năm	8722169857	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	341784162	
85	Võ Hồng Thúy	Xưởng 2	3 năm	7510029508	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381259776	
86	Nguyễn Tuấn Liêm	Xưởng 2	3 năm	9623102805	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381990571	
87	Cao Thị Kim Dung	Xưởng 2	KXĐTH	4025999748	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	186560132	
88	Nguyễn Văn Tiền	Xưởng 2	3 năm	2420914776	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	121901112	
89	Lê Văn Sạng	Xưởng 2	3 năm	8923604261	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351191144	
90	Đỗ Thị Út	Xưởng 2	KXĐTH	9621697276	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381469363	
91	Nguyễn Thị Bé Hai	Xưởng 2	3 năm	7516195078	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	363934306	
92	Nguyễn Văn On	Xưởng 2	3 năm	8724104184	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	341755525	
93	Phạm Ngọc Đông	Xưởng 2	3 năm	7513182070	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272427015	

94	Nguyễn Hữu Đại	Xưởng 2	KXĐTH	9103071822	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	131613790	
95	Danh Thị Hoa	Xưởng 2	3 năm	9124132889	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371945031	
96	Lê Hồng Lên	Xưởng 2	3 năm	7512170610	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381312094	
97	Lý Thị Sa Kha	Xưởng 2	3 năm	7515107038	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365000735	
98	Lê Minh Thức	Xưởng 2	3 năm	9522134413	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385815009	
99	Hồ Thị Thiết	Xưởng 2	KXĐTH	7511155325	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	270244441	
100	Hùynh Mỹ Nhân	Xưởng 2	KXĐTH	7512171726	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381690902	
101	Nguyễn Văn Muội	Xưởng 2	KXĐTH	7512172685	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	380964379	
102	Danh Chung	Xưởng 2	3 năm	7516094361	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371489119	
103	Lưu Hồng Cúc	Xưởng 2	3 năm	9622339016	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381479386	
104	Phương Thị Lài	Xưởng 2	3 năm	8213066100	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	362000408	
105	Phương Thúy An	Xưởng 2	3 năm	9221623348	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	092189000701	
106	Trần Thị Hằng	Xưởng 2	3 năm	8622520196	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	331619347	
107	Thị Ngọc Giàu	Xưởng 2	3 năm	7515110729	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371538503	
108	Trương Thị Thùy Trinh	Xưởng 2	3 năm	7514182431	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351441231	
109	Nguyễn Văn Đà	Xưởng 2	3 năm	7516162572	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381467351	
110	Trần Thị Bảnh	Xưởng 3	KXĐTH	7509112575	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	380051401	
111	Lê Thị Bích Tuyền	Xưởng 3	KXĐTH	7511163048	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272446873	
112	Nguyễn Thành Trang	Xưởng 3	KXĐTH	7509061876	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351868591	
113	Thị Cẩm	Xưởng 3	KXĐTH	7515106170	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371905840	
114	Danh Thị Diệu	Xưởng 3	KXĐTH	9122815390	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371910049	
115	Phạm Huỳnh Như	Xưởng 3	KXĐTH	7526689843	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381692174	
116	Thị Quỳnh Chi	Xưởng 3	3 năm	9123768332	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371905339	
117	Nguyễn Thị Mỹ Tuyết	Xưởng 3	KXĐTH	7512177982	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381540912	
118	Nguyễn Thị Hoa	Xưởng 3	3 năm	6422253761	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	231334193	
119	Trần Thị Lệ Thủy	Xưởng 3	KXĐTH	7509110951	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	352108193	
120	Nguyễn Tâm Tâm	Xưởng 3	KXĐTH	9622952494	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381978865	
121	Nguyễn Thị Lành	Xưởng 3	3 năm	8922697966	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351793966	
122	Hồ Thị Bé	Xưởng 3	3 năm	9622849864	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381480025	
123	Nguyễn Thị Ái Nương	Xưởng 3	3 năm	9521123241	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385446514	
124	Trần Hồng Cẫm	Xưởng 3	KXĐTH	9621695399	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381879236	
125	Thạch Văn Một	Xưởng 3	3 năm	9622073945	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381586846	
126	Huỳnh Thị Quyền	Xưởng 3	KXĐTH	7514163684	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365850142	
127	Trần Thị Ngọc Hiệp	Xưởng 3	3 năm	7526838406	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272965512	
128	Nguyễn Thị Hồng	Xưởng 3	3 năm	6422200222	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	231286800	
129	Nguyễn Mỹ Tính	Xưởng 3	KXĐTH	7511163919	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371066433	
130	Huỳnh Thị Nhí	Xưởng 3	KXĐTH	7510119971	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381640427	
131	Phạm Thị Tám	Xưởng 3	KXĐTH	7509131567	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	370598938	

132	Nguyễn Thị Mỷ Kim	Xưởng 3	3 năm	9623030562	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381527097	
133	Trần Thanh Ròng	Xưởng 3	3 năm	7516171354	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	366173786	
134	Nguyễn Thành Lũy	Xưởng 3	3 năm	9622849847	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381483873	
135	Quách Thị Oanh	Xưởng 4	KXĐTH	7511160904	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	172981992	
136	Nguyễn Thị Chuyên	Xưởng 4	KXĐTH	7514156818	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271864815	
137	Đậu Thị Cúc	Xưởng 4	KXĐTH	7509110945	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	183680725	
138	Nguyễn Thanh Tâm	Xưởng 4	KXĐTH	9622562087	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381918908	
139	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Xưởng 4	3 năm	7512190150	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272767291	
140	Bùi Công Nhân	Xưởng 4	KXĐTH	7514163677	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381758600	
141	Trần Lệ Thủy	Xưởng 4	3 năm	8923604262	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351187957	
142	Trần Thị Hằng	Xưởng 2	3 năm	9621798644	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381070183	
143	Lê Thị Mỹ Xuyên	Xưởng 4	3 năm	7514156722	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371163777	
144	Trần Yến Nhi	Xưởng 3	3 năm	9623030563	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381984644	
145	Phan Thị Ngọ	Xưởng 4	KXĐTH	7511163042	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	215150386	
146	Mai Thanh Tùng	Xưởng 4	3 năm	7526311410	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272647453	
147	Nguyễn Thị Út	Xưởng 4	KXĐTH	9621950275	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381678083	
148	Trần Thị Ngọc Huyền	Xưởng 4	3 năm	9423214535	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	366206511	
149	Nguyễn Văn Tá	Xưởng 3	3 năm	9123363377	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371989140	
150	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Xưởng 4	KXĐTH	7511158662	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272331781	
151	Nguyễn Thị Hoa	Xưởng 4	KXĐTH	7511160914	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381697079	
152	Phan Thị Mầu	Xưởng 4	KXĐTH	2712034987	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	187081282	
153	Trần Thị Tuyết	Xưởng 4	KXĐTH	7516043337	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381890818	
154	Tống Thị Thúy Vy	Xưởng 4	3 năm	9623092556	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	382036105	
155	Nguyễn Bích Soàn	Xưởng 4	3 năm	9123446318	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	370984201	
156	Trần Diễm Ni	Xưởng 4	3 năm	9622681550	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	382036658	
157	Lý Nhựt Hoài Văn	Xưởng 4	3 năm	7511197418	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385506045	
158	Trần Ngọc Mai	Xưởng 4	3 năm	7509142291	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	271963643	
159	Trần Văn Đây	Xưởng 4	KXĐTH	7514163676	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365540680	
160	Hồ Thị Ngọc Ngà	Xưởng 4	3 năm	8925609753	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	352660362	
161	Nguyễn Đình Quy	Xưởng 4	KXĐTH	7509112748	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	370811626	
162	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Xưởng 4	KXĐTH	7516171374	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	366221549	
163	Thạch Sô Na	Xưởng 4	3 năm	8421539626	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	335822823	
164	Mai Thị Thảo	Xưởng 4	KXĐTH	7511160908	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	264433347	
165	Nguyễn Thị Út	Xưởng 4	KXĐTH	7516171352	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381678512	
166	Trịnh Thị Thu Thảo	Xưởng 4	KXĐTH	6624334706	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	241378055	
167	Nguyễn Thị Tuyết	Xưởng 4	KXĐTH	7511164701	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	186681588	
168	Thị Ngọc Giàu	Xưởng 2	3 năm	9122647802	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371850704	
169	Mai Thị Bích Liên	Xưởng 4	3 năm	8922859546	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351685914	

170	Nguyễn Văn Minh	Xưởng 4	3 năm	6423385781	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	230917162	
171	Bùi Thị Kim Lan	Xưởng 4	3 năm	7910159230	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	362269325	
172	Phan Thị Kiều	Xưởng 4	KXĐTH	7513155521	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	184221598	
173	Nguyễn Thị Kim Liên	Xưởng 4	KXĐTH	7511164705	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	320858126	
174	Diệp Thanh Nga	Xưởng 4	3 năm	8015024491	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385084980	
175	Thị Lùng	Xưởng 4	3 năm	9122555479	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	371613704	
176	Hồng Thị Hoa	Xưởng 4	3 năm	9621727450	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381796826	
177	Cao Vủ Linh	Xưởng 4	3 năm	9621745602	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381901247	
178	Trần Diễm Trân	Xưởng 4	KXĐTH	9622902518	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381952304	
179	Võ Thị Huệ	Xưởng 4	KXĐTH	8922919404	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351594040	
180	Nguyễn Thị Loan	Xưởng 4	KXĐTH	7516171356	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	370959534	
181	Nguyễn Anh Thư	Xưởng 4	3 năm	9623030350	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	382048621	
182	Nguyễn Chí Đại	Xưởng 4	3 năm	9623030565	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	381949704	
183	Nguyễn Thanh Quân	Xưởng 4	3 năm	9521671032	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385540855	
184	Nguyễn Minh Hoài	Xưởng 4	3 năm	7514182429	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	351310580	
185	Nguyễn Đức Nghĩa	Xưởng 4	3 năm	8925734851	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	352673142	
186	Trần Thị Chanh Đa Ra	Xưởng 4	3 năm	9521274478	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	385625531	
187	Lâm Phel	Xưởng 4	3 năm	7416012335	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	365891203	
	Cộng 187 lao động						**187.000.000**		

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG MANG THAI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Trần Hoàng Mỹ Lợi	1	1.000.000	365668064	
2	Trần Yến Nhi	144	1.000.000	381984644	
3	Phan Thị Ngọ	145	1.000.000	215150386	
4	Diệp Thanh Nga	174	1.000.000	385084980	
Cộng 04 lao động mang thai			**4.000.000**		

IV. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐẺ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11
1	Trần Hoàng Mỹ Lợi	1	ĐINH BẢO NGỌC	05/12/2017	Trần Hoàng Mỹ Lợi	365668064	1.000.000	365668064	
2	Nguyễn Thị Lào	3	ĐẶNG NGUYỄN HUYỀN MY	15/10/2020	Nguyễn Thị Lào	381543427	1.000.000	381543427	
3	Lê Nguyễn Hoàng Viễn	8	LÊ NGỌC HÀ MY	07/03/2018	Lê Nguyễn Hoàng Viễn	341750034	1.000.000	341750034	
4	Lê Đức Toàn	11	LÊ THÀNH	15/05/2019	Lê Đức Toàn	215314131	1.000.000	215314131	
5	Nguyễn Văn Tiến	12	NGUYỄN THIÊN PHÚ	22/10/2016	Nguyễn Văn Tiến	381814330	1.000.000	381814330	
6	Nguyễn Thị Thu Thủy	14	NGUYỄN NGỌC	05/12/2017	Nguyễn Thị Thu Thủy	271886594	1.000.000	271886594	
7	Phạm Thị Hải	15	PHAN THANH LÂM	02/09/2020	Phạm Thị Hải	272387886	1.000.000	272387886	
			PHAN NGỌC BÍCH	09/09/2017			1.000.000		
8	Lê Thị Hoà	17	LÊ THỊ THÙY LINH	03/08/2015	Lê Thị Hoà	371254985	1.000.000	371254985	
9	Nguyễn Thùy Dương	20	NGUYỄN TRÚC LAM	02/10/2015	Nguyễn Thùy Dương	371274237	1.000.000	371274237	
10	Lê Văn Sắc	22	LÊ TRỌNG NHÂN	03/06/2020	Lê Văn Sắc	381298137	1.000.000	381298137	
11	Nguyễn Thị Hiếu	23	NGUYỄN THỊ HIỀN	27/11/2019	Nguyễn Thị Hiếu	231208402	1.000.000	231208402	

11	Lâm Thị Út	25	DANH LÂM KiỀU TIÊN	15/08/2016	Lâm Thị Út	366050123	1.000.000	366050123	
			DANH MINH TIẾN	22/11/2020			1.000.000		
12	Nguyễn Minh Đua	28	NGUYỄN MINH TRẮNG	27/12/2016	Nguyễn Minh Đua	380964177	1.000.000	380964177	không phê duyệt
13	Phạm Thị Nhinh	32	HÀ ĐÌNH MINH ĐỨC	17/11/2020	Phạm Thị Nhinh	172894328	1.000.000	172894328	
14	Ngô Thị Kim Cương	36	TẠ MINH KHEN	14/05/2020	Ngô Thị Kim Cương	312224575	1.000.000	312224575	
15	Nguyễn Thị Thảo	37	LÊ TRỌNG NHÂN	03/06/2020	Nguyễn Thị Thảo	381801947	1.000.000	381801947	
16	Huỳnh Như Trung	40	HUỲNH KHÔI NGUYÊN	17/04/2019	Huỳnh Như Trung	362106606	1.000.000	362106606	
17	Thạch Thị Hạnh	42	LÊ THỊ NHÃ ĐÌNH	03/07/2020	Thạch Thị Hạnh	365824284	1.000.000	365824284	
18	Thạch Thị Ca	44	MÃ QUỐC BẢO	01/08/2016	Thạch Thị Ca	334846558	1.000.000	334846558	
19	Trần Thị Lũng	45	DANH THẢO YẾN	20/06/2017	Trần Thị Lũng	381573943	1.000.000	381573943	
20	Nguyễn Thị Hữu Nghĩa	46	NGUYỄN HOÀNG THUYÊN KIM	10/12/2017	Nguyễn Thị Hữu Nghĩa	341265116	1.000.000	341265116	
21	Lê Thị Mỹ Nương	51	NGUYỄN MINH TRẮNG	27/12/2016	Lê Thị Mỹ Nương	365658609	1.000.000	365658609	
22	Nguyễn Văn Duy	52	NGUYỄN THỊ ÁI VY	22/03/2021	Nguyễn Văn Duy	271526722	1.000.000	271526722	
23	Bùi Thanh Gấu	55	BÙI THỊ MỸ TIÊN	06/10/2017	Bùi Thanh Gấu	371216465	1.000.000	371216465	
24	Huỳnh Thị Lệ	63	VÕ NGỌC TRÂN	31/10/2020	Huỳnh Thị Lệ	290737303	1.000.000	290737303	
25	Nguyễn Thị Duyên	69	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	16/03/2018	Nguyễn Thị Duyên	341097692	1.000.000	341097692	
26	Nguyễn Thành Ngoan	70	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	12/11/2016	Nguyễn Thành Ngoan	381372365	1.000.000	381372365	

27	Thạch Thị Hoàng	78	LÝ THỊ NHƯ Ý	29/01/2016	Thạch Thị Hoàng	365998572	1.000.000	365998572	
28	Lý Kha	79	LÝ THỊ NHƯ Ý	29/01/2016	Lý Kha	365735305	1.000.000	365735305	không phê duyệt
29	Nguyễn Thị Thu Nga	83	LIÊU TUẤN ANH	01/10/2020	Nguyễn Thị Thu Nga	92196001803	1.000.000	92196001803	
30	Lê Văn Sạng	89	LÊ THỊ NGỌC TUYỀN	08/05/2016	Lê Văn Sạng	351191144	1.000.000	351191144	
31	Phạm Ngọc Đông	93	PHẠM THỊ NGỌC DiỄM	19/10/2018	Phạm Ngọc Đông	272427015	1.000.000	272427015	
32	Nguyễn Hữu Đại	94	NGUYỄN BẢO NGỌC	16/08/2017	Nguyễn Hữu Đại	131613790	1.000.000	131613790	
33	Lý Thị Sa Kha	97	LÂM KHÁNH DUY	26/07/2016	Lý Thị Sa Kha	365000735	1.000.000	365000735	
34	Phương Thúy An	105	PHƯƠNG BÙI NGỌC HÂN	18/10/2020	Phương Thúy An	92189000701	1.000.000	92189000701	
35	Thị Ngọc Giàu	107	DANH ĐỨC DUY	07/07/2018	Thị Ngọc Giàu	371538503	1.000.000	371538503	
36	Lê Thị Bích Tuyền	111	PHAN LÊ QUỲNH NHƯ	01/04/2019	Lê Thị Bích Tuyền	272446873	1.000.000	272446873	
37	Thị Cẩm	113	TRƯƠNG THỊ NGỌC HÂN	23/02/2018	Thị Cẩm	371905840	1.000.000	371905840	
38	Danh Thị Diệu	114	LIỄU PHƯƠNG UYÊN	12/10/2019	Danh Thị Diệu	371910049	1.000.000	371910049	
39	Phạm Huỳnh Như	115	PHẠM LÊ TÍN KHÁ	29/09/2018	Phạm Huỳnh Như	381692174	1.000.000	381692174	
40	Thị Quỳnh Chi	116	PHAN MINH TIẾN	12/07/2016	Thị Quỳnh Chi	371905339	1.000.000	371905339	

41	Trần Thị Lệ Thủy	119	HUỲNH HOÀNG GIA PHÁT	30/04/2020	Trần Thị Lệ Thủy	352108193	1.000.000	352108193	
42	Nguyễn Thị Ái Nương	123	TRƯƠNG NGUYỄN THUYÊN KIM	21/12/2020	Nguyễn Thị Ái Nương	385446514	1.000.000	385446514	
43	Trần Hồng Cẫm	124	THẠCH TRẦN GIA BẢO	01/05/2020	Trần Hồng Cẫm	381879236	1.000.000	381879236	
44	Thạch Văn Một	125	THẠCH TRẦN GIA BẢO	01/05/2020	Thạch Văn Một	381586846	1.000.000	381586846	không phê duyệt
45	Trần Lệ Thủy	141	LÊ THỊ NGỌC TUYỀN	05/08/2016	Trần Lệ Thủy	351187957	1.000.000	351187957	
46	Lê Thị Mỹ Xuyên	143	BÙI THỊ MỸ TIÊN	06/10/2017	Lê Thị Mỹ Xuyên	371163777	1.000.000	371163777	
47	Phan Thị Ngọ	145	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	05/09/2018	Phan Thị Ngọ	215150386	1.000.000	215150386	
			TRẦN PHAN NGUYỄN NHƯ Ý	26/11/2015			1.000.000		
48	Nguyễn Thị Út	147	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG TRÚC	12/06/2018	Nguyễn Thị Út	381678083	1.000.000	381678083	
49	Phan Thị Mầu	152	NGUYỄN VĂN TIẾN LINH	23/09/2019	Phan Thị Mầu	187081282	1.000.000	187081282	
			NGUYỄN VĂN TUẤN KHANG	07/04/2016			1.000.000		
50	Trần Thị Tuyết	153	PHẠM THỊ NGỌC DIỄM	19/10/2018	Trần Thị Tuyết	381890818	1.000.000	381890818	
51	Lý Nhựt Hoài Văn	157	LÝ ANH TUẤN	07/05/2019	Lý Nhựt Hoài Văn	385506045	1.000.000	385506045	
52	Mai Thị Thảo	164	LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	13/06/2020	Mai Thị Thảo	264433347	1.000.000	264433347	

53	Mai Thị Bích Liên	169	ĐẶNG PHÚC AN	25/09/2015	Mai Thị Bích Liên	351685914	1.000.000	351685914	
54	Nguyễn Văn Minh	170	NGUYỄN THỊ HIỀN	27/11/2019	Nguyễn Văn Minh	230917162	1.000.000	230917162	
55	Phan Thị Kiều	172	HỒ SỸ TẤN TÀI	19/06/2020	Phan Thị Kiều	184221598	1.000.000	184221598	
56	Nguyễn Thị Kim Liên	173	LÊ NGUYỄN BẢO CHÂU	09/07/2018	Nguyễn Thị Kim Liên	320858126	1.000.000	320858126	
57	Thị Lùng	175	THỊ QUỲNH NHƯ	22/10/2016	Thị Lùng	371613704	1.000.000	371613704	
Cộng 59 trẻ em							**59.000.000**		
Cộng (II + III + IV)							**250.000.000**		

Tổng số tiền hỗ trợ: 250.000.000 đồng
(Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: Công ty Cổ phần Dịch Vụ Công Nghiệp Đồng Nai
2. Mã số thuế/đăng ký kinh doan 3602725721
3. Địa chỉ: B33, Kp 13, Phường Hố Nai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Tài khoản của người sử dụng l 19133 88317 20 *Công ty Cổ phần Dịch Vụ Công Nghiệp Đồng Nai* *Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Đồng Nai*
5. Mã cơ quan BHXH: 07500
6. Mã đơn vị: TA6110A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	7)	(8)	(9)	(10)
1	Lê Thanh Chung	Phó giám đốc	Dài hạn	7510195582	12/07/2021	19/09/2021	1.000.000	276008537	
2	Cao Khánh Chi	Nhân viên	Dài hạn	0299039308	12/07/2021	19/09/2021	1.000.000	023093639	
3	Trần Quang Quyền	Nhân viên	Dài hạn	7915233406	12/07/2021	19/09/2021	1.000.000	270805108	
4	Trần Thị Yến	Nhân viên	Dài hạn	7914102271	12/07/2021	19/09/2021	1.000.000	183815643	
Cộng 04 lao động							**4.000.000**		

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐẺ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11
1	Lê Thanh Chung	2	Lê Nhật Minh Khang	09/12/2018	Nguyễn Lê Mai Thủy	272788930	1.000.000	276008537	

Cộng 01 trẻ em	**1.000.000**		
Cộng (II + III)	**5.000.000**		

Tổng số tiền hỗ trợ: 5.000.000 đồng
(Năm triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NISSHIN TECHNOMIC

(Kèm theo Quyết định số 4046 /QĐ-UBND ngày 06 /10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NISSHIN TECHNOMIC
2. Mã số thuế/đăng ký kinh doanh: 3603567549
3. Địa chỉ: LÔ 517, ĐƯỜNG 13, KCN AMATA, PHƯỜNG LONG BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
4. Tài khoản của người sử dụng lao đ 0481000872725 *CT TNHH VN NISSHIN TE\Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*
5. Mã cơ quan BHXH: 07500
6. Mã đơn vị: YN0150A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	7)	(8)	(9)	(10)
1	VÕ THỊ VÂN TÂM	R&D	Không Xác Định Thời Hạn	9423283620	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	365980208	
2	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	R&D	Không Xác Định Thời Hạn	8724025996	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	341780263	
3	PHẠM VĂN THANH	Production	Xác Định Thời Hạn	7509098090	12/07/2021	10/09/2021	1.000.000	230661568	
4	HOÀNG MẠNH HUY	Production	Xác Định Thời Hạn	7416131708	12/07/2021	10/09/2021	1.000.000	272329734	
5	PHAN THỊ XINH	R&D	Xác Định Thời Hạn	4703009621	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271684307	
6	NGUYỄN THỊ PHI PHỤNG	Production	Xác Định Thời Hạn	7511105313	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271770059	
7	VŨ HOÀNG NAM	Production	Xác Định Thời Hạn	7514055772	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272529535	
8	VŨ HOÀNG SƠN	Production	Xác Định Thời Hạn	7526827128	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272921080	
9	VŨ NHẬT QUANG ĐỆ	Production	Xác Định Thời Hạn	7508016354	12/07/2021	10/09/2021	1.000.000	271837417	
10	VƯƠNG THẾ CAO	Production	Xác Định Thời Hạn	7515056759	12/07/2021	10/09/2021	1.000.000	272637536	
11	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	Production	Xác Định Thời Hạn	7508221953	12/07/2021	10/09/2021	1.000.000	271898637	
12	NGUYỄN VĂN SOÁN	Production	Xác Định Thời Hạn	6822528640	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	250733221	
13	NGÔ THỊ KIỀU TRANG	Sales	Xác Định Thời Hạn	7515153103	12/07/2021	12/09/2021	1.000.000	271959792	
14	NGUYỄN ĐÌNH HÂN	Production	Xác Định Thời Hạn	7511180300	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271839262	
15	HUỲNH QUỐC DŨNG	Production	Xác Định Thời Hạn	7510022970	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272049914	
16	PHẠM HOÀNG ANH	Production	Xác Định Thời Hạn	7509042004	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271740586	
17	ĐÀO ĐỨC THỌ	Production	Xác Định Thời Hạn	7524628822	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	276043669	

18	PHAN THỊ HẰNG	Production	Xác Định Thời Hạn	7512040252	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	186752956	
19	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Production	Xác Định Thời Hạn	7511125335	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271415587	
20	LÊ THỊ PHƯƠNG NGA	R&D	Xác Định Thời Hạn	7523584584	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	212186637	
21	NGUYỄN THỊ NGỌC THIỆN	Admin	Xác Định Thời Hạn	7525368360	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272604732	
22	NGUYỄN THỊ NGỌC HẬU	R&D	Xác Định Thời Hạn	7511065851	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272945784	
23	LÊ BẢO CHIẾN	R&D	Xác Định Thời Hạn	7912402955	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	024700003	
24	NGUYỄN MẠNH THÙY LIÊN	R&D	Xác Định Thời Hạn	7525676968	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272045967	
25	HOÀNG THỊ TUYẾT	Admin	Xác Định Thời Hạn	7514182962	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	122018536	
26	NGUYỄN THỊ HUỲNH	Production	Xác Định Thời Hạn	5220591885	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	215428513	
27	NGUYỄN THỊ HOÀI NAM	Production	Xác Định Thời Hạn	7514072269	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	036191002210	
28	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Production	Xác Định Thời Hạn	7511035935	12/07/2021	10/09/2021	1.000.000	272248165	
29	NGUYỄN TRANG THẢO	Production	Xác Định Thời Hạn	7514179809	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272069847	
30	LÊ ĐĂNG KHOA	Production	Xác Định Thời Hạn	7523419988	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272815297	
31	NGUYỄN THÀNH CHIẾN	Production	Xác Định Thời Hạn	9222214060	12/07/2021	20/09/2021	1.000.000	362444314	
32	NGUYỄN LÊ KHIẾT NGÂN	Production	Xác Định Thời Hạn	7516146578	30/07/2021	20/09/2021	1.000.000	281056157	
33	NGUYỄN THỊ THÚY PHƯƠNG	Production	Xác Định Thời Hạn	7524306965	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	164577562	
34	NGUYỄN ĐÌNH THỤC	Production	Xác Định Thời Hạn	7508000573	04/08/2021	10/09/2021	1.000.000	271849465	
35	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC HƯNG	Production	Xác Định Thời Hạn	7526179956	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272379279	
36	TRẦN ĐÌNH TÀI	Production	Xác Định Thời Hạn	0207336752	20/07/2021	20/09/2021	1.000.000	215015429	
37	CAO HOÀNG DUY ĐẠT	Production	Xác Định Thời Hạn	7526358479	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272123122	
38	ĐỖ YẾN NGỌC	Production	Xác Định Thời Hạn	7523637747	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272229679	
39	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Production	Xác Định Thời Hạn	7523772174	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271849621	
40	NGUYỄN TIẾN HÒA	Production	Xác Định Thời Hạn	4707083098	20/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271464172	
41	PHAN THANH THẢO	Production	Xác Định Thời Hạn	4707013107	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271416352	
42	NGUYỄN VĂN BÍCH	Production	Xác Định Thời Hạn	4707147651	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271482824	
43	VŨ DUY TÂN	Production	Xác Định Thời Hạn	7508223636	26/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271922901	
Cộng 43 lao động							**43.000.000**		

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG MANG THAI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ TUYẾT	25	1.000.000	122018536	
Cộng 01 lao động mang thai			**1.000.000**		

IV. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐẺ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của			
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11
1	PHẠM VĂN THANH	3	PHẠM TRẦN BẢO NGỌC	'17/10/2019	PHẠM VĂN THANH	230661568	1.000.000	230661568	
2	HOÀNG MẠNH HUY	4	HOÀNG NGUYỆT QUẾ	07/09/2019	HOÀNG MẠNH HUY	272329734	1.000.000	272329734	
3	HOÀNG MẠNH HUY	4	HOÀNG QUẾ ANH	22/06/2021	HOÀNG MẠNH HUY	272329734	1.000.000	272329734	
4	NGUYỄN THỊ PHI PHỤNG	6	TRẦN NGỌC BẢO TRÂN	03/01/2017	NGUYỄN THỊ PHI PHỤNG	271770059	1.000.000	271770059	
5	NGÔ THỊ KIỀU TRANG	13	NGUYỄN HOÀNG AN NHIÊN	26/12/2018	NGÔ THỊ KIỀU TRANG	271959792	1.000.000	271959792	
6	HUỲNH QUỐC DŨNG	15	HUỲNH THÁI KHANG	10/10/2020	HUỲNH QUỐC DŨNG	272049914	1.000.000	272049914	
7	ĐÀO ĐỨC THỌ	17	ĐÀO NHẬT VỸ	04/04/2019	ĐÀO ĐỨC THỌ	276043669	1.000.000	276043669	
8	PHAN THỊ HẰNG	18	NGUYỄN THU AN	17/10/2017	PHAN THỊ HẰNG	186752956	1.000.000	186752956	
9	LÊ THỊ PHƯƠNG NGA	20	HOÀNG NGỌC VY	08/11/2018	LÊ THỊ PHƯƠNG NGA	212186637	1.000.000	212186637	
10	LÊ THỊ PHƯƠNG NGA	20	HOÀNG NGỌC LINH	26/10/2016	LÊ THỊ PHƯƠNG NGA	212186637	1.000.000	212186637	
11	NGUYỄN THỊ NGỌC HẬU	22	NGUYỄN BẢO NGỌC	08/02/2019	NGUYỄN THỊ NGỌC HẬU	272945784	1.000.000	272945784	
12	HOÀNG THỊ TUYẾT	25	TRẦN BÍCH PHƯƠNG	24/06/2019	HOÀNG THỊ TUYẾT	122018536	1.000.000	122018536	
13	NGUYỄN THỊ HOÀI NAM	27	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	30/05/2019	NGUYỄN THỊ HOÀI NAM	36191002210	1.000.000	36191002210	
14	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	28	NGUYỄN NHẬT TRÚC LINH	20/10/2018	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	272248165	1.000.000	272248165	

15	NGUYỄN TRANG THẢO	29	NGUYỄN HOÀNG ÁI THY	12/01/2019	NGUYỄN TRANG THẢO	272069847	1.000.000	272069847	
16	NGUYỄN TRANG THẢO	29	NGUYỄN HOÀNG PHÚC NHÂN	22/10/2016	NGUYỄN TRANG THẢO	272069847	1.000.000	272069847	
17	CAO HOÀNG DUY ĐẠT	37	CAO HOÀNG THIÊN ANH	18/11/2019	CAO HOÀNG DUY ĐẠT	272123122	1.000.000	272123122	
18	NGUYỄN TIẾN HÒA	40	NGUYỄN NGỌC KIM AN	12/10/2018	NGUYỄN TIẾN HÒA	271464172	1.000.000	271464172	
19	NGUYỄN VĂN BÍCH	42	NGUYỄN PHẠM THIÊN KHÁNH	15/12/2017	NGUYỄN VĂN BÍCH	271482824	1.000.000	271482824	
Cộng 19 trẻ em							**19.000.000**		
Cộng (II + III + IV)							**63.000.000**		

Tổng số tiền hỗ trợ: 63.000.000 đồng
(Sáu mươi ba triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DAITOH INDUSTRY VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: CÔNG TY TNHH DAITOH INDUSTRY VIỆT NAM
2. Mã số thuế/đăng ký kinh doanh: 3602464741
3. Địa chỉ: Lô 242, đường số 12, KCN AMATA, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Tài khoản của người sử dụng lao động: 117000071393 (VND) *CÔNG TY TNHH DAITO Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Vietinbank KCN Biên Hòa*
5. Mã cơ quan BHXH: 07500
6. Mã đơn vị: YN0028A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	7)	(8)	(9)	(10)
1	NGUYỄN MINH QUỐC BẢO	XƯỞNG SẢN XUẤT	không thời hạn	7512011055	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	271578218	
2	TRẦN VĂN GIANG	XƯỞNG SẢN XUẤT	không thời hạn	7910449695	16/07/2021	30/09/2021	1.000.000	186486476	
Cộng 02 lao động							**2.000.000**		

Tổng số tiền hỗ trợ: 2.000.000 đồng
(Hai triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng